



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: D.V An PT (208501)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	11221001	Huỳnh Rạng	Đông	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11221002	Huỳnh Văn	Diễn	1				9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11221003	Đặng Thanh	Điều	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11221004	Lê Hữu	Đức	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11221005	Trần Thị	Ai	1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11221006	Nguyễn Hoàng	Anh	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11221007	Nguyễn Hoàng	Anh	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11221008	Nguyễn Văn	Bảy	1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11221009	Nguyễn Văn	Bền	1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11221010	Nguyễn Thành	Công	1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11221011	Đặng Hùng	Cường	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11221012	Võ Thị Thùy	Dương	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11221013	Bùi Tấn	Dương	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11221014	Phạm Xuân	Dũng	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11221015	Huỳnh Nguyễn Trọng	Duy	1				9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11221016	Nguyễn Tú	Em	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11221017	Phan Trường	Giang	1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11221018	Võ Thị Thanh	Hằng	1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Đồ án PT (208501)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC1IPTLA)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
19	11221019	Nguyễn Thị Thu	Hương						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11221020	Mai Hồng	Hạnh	1				9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11221021	Nguyễn Ngọc	Hạnh	1				9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11221022	Lâm Trọng	Hiếu	1				7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11221023	Lê Phú	Huy	1				7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11221024	Phạm Thị Thanh	Huyền	1				7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11221025	Trần Nam	Kha	1				8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11221026	Nguyễn Đăng	Khoa	1				7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11221027	Huỳnh Thiệu	Lương						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11221028	Huỳnh Phi	Long						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11221029	Ngô Hoàng	Long	1				8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11221030	Huỳnh Hoàng	Minh	1				8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11221031	Lê Trọng	Nhân	1				7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11221032	Nguyễn Văn	Nhân	1				7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11221033	Đào Kim	Nhân						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11221034	Trần Thanh	Nuôi						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11221035	Nguyễn Hồng	Phước	1				9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11221036	Lương Ngọc	Phượng	1				9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Đề án PT (208501)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)

Số tín chỉ: 2

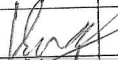
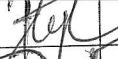
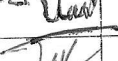
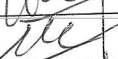
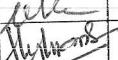
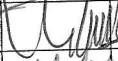
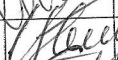
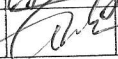
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
37	11221037	Nguyễn Thanh Phú	<i>[Signature]</i>	1				8	0012345678910	0123456789
38	11221038	Huỳnh Diễm Phúc	<i>[Signature]</i>	1				7	0012345678910	0123456789
39	11221039	Nguyễn Thanh Phúc	<i>[Signature]</i>	1					0012345678910	0123456789
40	11221040	Lê Hoài Phong	<i>[Signature]</i>	1				7	0012345678910	0123456789
41	11221041	Huỳnh Thanh Sang	<i>[Signature]</i>	1				9	0012345678910	0123456789
42	11221042	Phan Văn Sang	<i>[Signature]</i>	1					0012345678910	0123456789
43	11221043	Trương Thanh Sang	<i>[Signature]</i>	1				7	0012345678910	0123456789
44	11221044	Nguyễn Nhất Sinh	<i>[Signature]</i>	1				7	0012345678910	0123456789
45	11221045	Trần Bảo Tồn	<i>[Signature]</i>	1				7	0012345678910	0123456789
46	11221046	Lê Thành Tấn	<i>[Signature]</i>	1					0012345678910	0123456789
47	11221047	Lê Thị Anh Thư	<i>[Signature]</i>	1				8	0012345678910	0123456789
48	11221048	Vô Thành Thuận	<i>[Signature]</i>	1				7	0012345678910	0123456789
49	11221049	Vô Trường Thành	<i>[Signature]</i>	1				8	0012345678910	0123456789
50	11221050	Mai Văn Thảo	<i>[Signature]</i>	1				9	0012345678910	0123456789
51	11221051	Nguyễn Văn Thắng	<i>[Signature]</i>	1				8	0012345678910	0123456789
52	11221052	Phạm Thị Hồng Thắm	<i>[Signature]</i>	1				10	0012345678910	0123456789
53	11221053	Huỳnh Minh Thắng	<i>[Signature]</i>	1				8	0012345678910	0123456789
54	11221054	Nguyễn Phú Thanh	<i>[Signature]</i>	1					0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Địa lý (208 504)

Số tín chỉ: 2

Số tín chỉ: 2										
Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)										
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
55	11221055	Hồ Văn Thuyết		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11221056	Huỳnh Minh Tới		1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11221057	Lê Minh Tùng		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11221058	Mai Thanh Toàn		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11221059	Nguyễn Hải Minh Trần		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11221060	Ôn Thanh Trương		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11221061	Vô Thanh Trai		1				9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11221062	Phạm Văn Trọng		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11221063	Vô Minh Tri		1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11221064	Trần Minh Tri		1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11221065	Huỳnh Văn Tuấn		1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11221066	Đồng Văn Tuấn		1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11221067	Vô Anh Tuấn		1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11221068	Nguyễn Thanh Tuấn		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11221069	Huỳnh Anh Tuấn		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11221070	Nguyễn Văn Tuấn		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11221071	Mai Thanh Tuyền		1				8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11221072	Nguyễn Anh Vũ		1				7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

PHÒNG ĐÀO TẠO

-oOo-



Mã nhận dạng 02936



DANH SÁCH GHI ĐIỂM THEO LỚP

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học: Định cư (208 S)

Lớp: Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An (TC11PTLA)

Số tín chỉ: 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ký tên	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T.kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
73	11221073	Nguyễn Tấn Vũ		✓					0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 12

Hiện diện: 61

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đoàn Văn Vương

Phạm Thị Thanh Nga

ThS. Nguyễn Duyên Linh

Trần Đức Luân